

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2013/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2***Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;**Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo
lường đối với phương tiện đo nhóm 2.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi tắt là phương tiện đo) bao gồm: Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo; phê duyệt mẫu; kiểm định phương tiện đo.

2. Thông tư này không áp dụng đối với phương tiện đo bức xạ, hạt nhân, phương tiện đo là hàng hóa được ưu đãi, miễn trừ thủ tục hải quan, hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hoá gửi kho ngoại quan, hàng hóa phục vụ các yêu cầu khẩn cấp, hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo.

2. Tổ chức kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo được chỉ định.

3. Cơ quan nhà nước về đo lường, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Yêu cầu kỹ thuật đo lường* là tập hợp đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ký hiệu là ĐLVN) hiện hành.

2. *Phương tiện đo nhóm 2* là phương tiện đo được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.

3. *Phê duyệt mẫu* là biện pháp kiểm soát về đo lường do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện để đánh giá, xác nhận mẫu phương tiện đo hoặc mẫu của loại (type) phương tiện đo (sau đây gọi tắt là mẫu) phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

4. *Kiểm định* là biện pháp kiểm soát về đo lường do tổ chức kiểm định phương tiện đo được chỉ định thực hiện để đánh giá, xác nhận phương tiện đo đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

5. *Cơ sở sản xuất phương tiện đo* là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc các hoạt động chuyển giao công nghệ, chế tạo, lắp ráp, cải tiến, cải tạo phương tiện đo tại Việt Nam.

6. *Cơ sở nhập khẩu phương tiện đo* là tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu phương tiện đo nguyên chiếc.

7. *Cơ sở kinh doanh phương tiện đo* là tổ chức, cá nhân bán buôn, bán lẻ, đại lý mua bán phương tiện đo tại Việt Nam.

8. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Điều 3 Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Chương II**DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN ĐO, BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT
VỀ ĐO LƯỜNG VÀ CHU KỲ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO****Điều 4. Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo**

Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo bao gồm:

1. Các phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo quy định trong bảng sau đây:

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lĩnh vực đo độ dài						
1	Thước cuộn	-	x	-	-	
2	Taximet	x	x	x	x	12 tháng
3	Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	x	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo khối lượng						
4	Cân phân tích	-	x	x	x	12 tháng
5	Cân kỹ thuật	-	x	x	x	12 tháng
6	Cân bàn	x	x	x	x	12 tháng
7	Cân đĩa	x	x	x	x	12 tháng
8	Cân đồng hồ lò xo	x	x	x	x	12 tháng
9	Cân treo dọc thép - lá đề	x	x	x	x	12 tháng
10	Cân treo móc cầu	x	x	x	x	12 tháng
11	Cân ô tô	x	x	x	x	12 tháng
12	Cân tàu hỏa tĩnh	x	x	x	x	12 tháng
13	Cân tàu hỏa động	x	x	x	x	24 tháng
14	Cân băng tải	x	x	x	x	12 tháng
15	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	12 tháng
16	Quả cân cấp chính xác E ₂	-	x	x	x	24 tháng
17	Quả cân cấp chính xác đến F ₁	-	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo dung tích, lưu lượng						
18	Cột đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
19	Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng	x	x	x	x	12 tháng
20	Đồng hồ nước lạnh cơ khí	x	x	x	x	60 tháng
21	Đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử	x	x	x	x	36 tháng
23	Đồng hồ xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
24	Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng	x	x	x	x	12 tháng
25	Đồng hồ khí công nghiệp	x	x	x	x	12 tháng
26	Đồng hồ khí dân dụng					
	- $Q_{\max} < 16\text{m}^3/\text{h}$	x	x	x	x	60 tháng
	- $Q_{\max} \geq 16\text{m}^3/\text{h}$	x	x	x	x	36 tháng
27	Phương tiện đo dung tích thông dụng	-	x	x	x	24 tháng
28	Bể đong cố định	-	x	x	x	60 tháng
29	Xi téc ô tô	x	x	x	x	12 tháng
30	Xi téc đường sắt	x	x	x	x	12 tháng
31	Phương tiện đo mức xăng dầu tự động	x	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo áp suất						
32	Áp kế lò xo	-	x	x	x	12 tháng
33	Áp kế điện tử	-	x	x	x	12 tháng
34	Huyết áp kế thủy ngân	-	x	x	x	12 tháng
35	Huyết áp kế lò xo	-	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo nhiệt độ						
36	Nhiệt kế thủy tinh - chất lỏng	-	x	-	-	-
37	Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu	-	x	-	-	-
38	Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại	-	x	-	-	-
39	Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại	-	x	-	-	-
40	Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại	-	x	x	-	06 tháng
41	Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai	-	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo hóa lý						
42	Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
43	Tỷ trọng kế	-	x	x	x	24 tháng
44	Phương tiện đo hàm lượng bụi tổng trong không khí	-	x	x	x	12 tháng
45	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	x	x	x	x	12 tháng
46	Phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới	-	x	x	x	12 tháng
47	Phương tiện đo nồng độ SO ₂ , CO ₂ , CO, NO _x trong không khí	-	x	x	x	12 tháng
48	Phương tiện đo pH, nồng độ oxy hòa tan, độ dẫn điện, độ đục của nước, tổng chất rắn hòa tan trong nước	-	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo điện, điện từ						
49	Công tơ điện xoay chiều 1 pha	x	x	x	x	60 tháng
50	Công tơ điện xoay chiều 3 pha	x	x	x	x	24 tháng
51	Biến dòng đo lường	x	x	x	x	60 tháng
52	Biến áp đo lường	x	x	x	x	60 tháng
53	Phương tiện đo điện trở cách điện	-	x	x	x	12 tháng
54	Phương tiện đo điện trở tiếp đất	-	x	x	x	12 tháng
55	Phương tiện đo điện tim	-	x	x	x	24 tháng
56	Phương tiện đo điện não	-	x	x	x	24 tháng
Lĩnh vực đo âm thanh, rung động						
57	Phương tiện đo độ ồn	-	x	x	x	12 tháng
58	Phương tiện đo độ rung động	-	x	x	x	12 tháng
Lĩnh vực đo quang học						
59	Phương tiện đo độ rọi	-	x	x	x	12 tháng
60	Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	-	x	x	x	12 tháng

Trong đó:

- Ký hiệu “x”: Biện pháp phải được thực hiện đối với phương tiện đo;
- Ký hiệu “-”: Biện pháp không phải thực hiện đối với phương tiện đo.